

Số: /BC-STP

An Giang, ngày tháng 4 năm 2026

BÁO CÁO

Kết quả thẩm định dự thảo Nghị quyết quy định chính sách hỗ trợ đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh An Giang

Sở Tư pháp nhận được Công văn số 718/SCT-QLCN ngày 28/02/2026 của Sở Công Thương về việc đề nghị thẩm định dự thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định chính sách hỗ trợ đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh An Giang.

Trên cơ sở các ý kiến góp ý của Sở Tài chính: Công văn số 1271/STC-DNHTDT ngày 26/02/2026; Công văn số 2102/STC-DNHTDT ngày 26/3/2026 và Công văn số 2881/SCT-KHĐT ngày 16/4/2026, Sở Tư pháp tổ chức cuộc họp thẩm định dự thảo Nghị quyết quy định chính sách hỗ trợ đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh An Giang (ngày 22/4/2026 tại cơ sở 2 phòng họp Sở Tư pháp).

Căn cứ ý kiến thẩm định của các thành viên, Sở Tư pháp báo cáo kết quả thẩm định như sau:

I. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH NGHỊ QUYẾT; PHẠM VI ĐIỀU CHỈNH, ĐỐI TƯỢNG ÁP DỤNG

1. Sự cần thiết ban hành

Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị định số 32/2024/NĐ-CP ngày 15/3/2024 của Chính phủ về quản lý, phát triển cụm công nghiệp, ngày 08/01/2025, Hội đồng nhân dân tỉnh Kiên Giang (trước sắp xếp) đã ban hành Nghị quyết số 03/2025/NQ-HĐND quy định hỗ trợ đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh Kiên Giang. Nghị quyết số 03/2025/NQ-HĐND được tiếp tục áp dụng trên đơn vị hành chính tỉnh An Giang mới cho đến khi có văn bản thay thế hoặc bãi bỏ theo Nghị quyết số 12/NQ-HĐND ngày 01/7/2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh An Giang. Đến nay, căn cứ pháp lý quy định thẩm quyền ban hành Nghị quyết tại Nghị định số 32/2024/NĐ-CP vẫn còn hiệu lực thi hành. Tuy nhiên, phạm vi điều chỉnh có thay đổi cơ bản.

Căn cứ nêu trên, việc ban hành Nghị quyết quy định chính sách hỗ trợ đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh An Giang (thay thế Nghị quyết số 03/2025/NQ-HĐND) là cần thiết.

2. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định đối tượng, nguyên tắc hỗ trợ, điều kiện hỗ trợ, hình thức hỗ trợ, nội dung và mức hỗ trợ đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh An Giang.

3. Đối tượng áp dụng

a) Chủ đầu tư theo quy định tại khoản 3 Điều 2 Nghị định số 32/2024/NĐ-CP về quản lý, phát triển cụm công nghiệp.

b) Các cơ quan quản lý nhà nước, đơn vị và các tổ chức, cá nhân khác có liên quan đến việc đầu tư và hỗ trợ đầu tư hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh An Giang.

II. Ý KIẾN THẨM ĐỊNH TỪNG NỘI DUNG

1. Sự phù hợp của nội dung dự thảo nghị quyết với chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách của Nhà nước; tính hợp hiến, tính hợp pháp, tính thống nhất với hệ thống pháp luật của dự thảo nghị quyết

Khoản 2 Điều 26 Nghị định số 32/2024/NĐ-CP quy định “2. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh báo cáo Hội đồng nhân dân cùng cấp quyết định hoặc quyết định theo thẩm quyền, quy định của pháp luật về việc hỗ trợ đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật các cụm công nghiệp trên địa bàn”.

Điều 1 khoản 9 Điều 31 Luật Ngân sách nhà nước năm 2025 quy định Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Nghị quyết đề “Quyết định các chế độ chi ngân sách để thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, an sinh xã hội, bảo đảm trật tự, an toàn xã hội trên địa bàn, phù hợp với tình hình thực tế và khả năng cân đối của ngân sách địa phương”.

Khoản 3 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật quy định Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Nghị quyết đề quy định “c) Chính sách, biện pháp nhằm phát triển kinh tế - xã hội, ngân sách, quốc phòng, an ninh ở địa phương; biện pháp khác có tính chất đặc thù phù hợp với điều kiện phát triển kinh tế - xã hội của địa phương; phân cấp và thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được phân cấp”.

Khoản 1, 4 Điều 8 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật quy định “1. Văn bản quy phạm pháp luật chỉ được sửa đổi, bổ sung, thay thế bằng văn bản quy phạm pháp luật của chính cơ quan, người có thẩm quyền đã ban hành văn bản đó.... 4. Ban hành văn bản quy phạm pháp luật thay thế văn bản quy phạm pháp luật hiện hành thuộc một trong các trường hợp sau đây: a) Thay đổi cơ bản chính sách, phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng;”.

Căn cứ các quy định nêu trên, Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Nghị quyết quy định chính sách hỗ trợ đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh An Giang (thay thế Nghị quyết số 03/2025/NQ-HĐND) là đúng thẩm quyền.

2. Về sự cần thiết, tính hợp lý của thủ tục hành chính; nguồn tài chính; nguồn nhân lực, việc phân cấp, thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được

phân cấp; việc ứng dụng, thúc đẩy phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số

- Thủ tục hành chính: Nội dung của dự thảo nghị quyết không làm phát sinh thủ tục hành chính mới.

- Nguồn tài chính: Sở Tài chính thống nhất mức hỗ trợ, nguồn kinh phí thực hiện như dự thảo Nghị quyết (theo Biên bản cuộc họp thẩm định ngày 22/4/2026).

- Nguồn nhân lực, việc phân cấp, thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được phân cấp: Sở Nội vụ thống nhất và không có ý kiến khác (theo Công văn số 801/SNV-VP ngày 05/01/2026 của Sở Nội vụ và Biên bản cuộc họp thẩm định ngày 22/4/2026).

- Việc ứng dụng, thúc đẩy phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số: Dự thảo Nghị quyết không liên quan việc ứng dụng, thúc đẩy phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số (theo Công văn số 682/SKHCN-VP ngày 02/02/2026 và Biên bản họp ngày 09/3/2026 tại Sở Tư pháp).

3. Ngôn ngữ, thể thức, kỹ thuật trình bày và trình tự, thủ tục soạn thảo nghị quyết

a) Ngôn ngữ, thể thức, kỹ thuật trình bày và nội dung dự thảo nghị quyết

- Căn cứ ban hành: Bổ sung “*Nghị định số 78/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 187/2025/NĐ-CP*”.

- Đối tượng hỗ trợ: Điều chỉnh điểm a khoản 2 Điều 1 thành “*a) Chủ đầu tư theo quy định tại khoản 3 Điều 2 Nghị định số 32/2024/NĐ-CP về quản lý, phát triển cụm công nghiệp*”.

- Điểm b khoản 1 Điều 2: Điều chỉnh cụm từ “của chính sách này” thành “của Nghị quyết này”.

- Hình thức hỗ trợ: Điều chỉnh khoản 3 Điều 2 như sau “*Hỗ trợ sau khi dự án hạ tầng cụm công nghiệp được đầu tư xây dựng và nghiệm thu hoàn thành theo quy định của pháp luật về xây dựng và các quy định pháp luật khác có liên quan*”.

- Nguồn kinh phí hỗ trợ: Điều chỉnh khoản 1 Điều 4 như sau “*1. Nguồn kinh phí thực hiện do ngân sách tỉnh (đã bao gồm thu bổ sung có mục tiêu từ ngân sách trung ương cho ngân sách địa phương) cân đối đảm bảo theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước và quy định pháp luật khác có liên quan.*”.

- Điều 6: Bổ “ngày 08 tháng 01 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Kiên Giang” theo quy định văn bản quy phạm pháp luật tại khoản 38 Điều 1 Nghị định số 187/2025/NĐ-CP.

- Tại nơi nhận: Cỡ chữ của các đơn vị nhận văn bản là 11; điều chỉnh tên đơn vị “Cục Kiểm tra văn bản và Quản lý xử lý vi phạm hành chính - Bộ Tư pháp” thành “Cục Kiểm tra văn bản và Tổ chức thi hành pháp luật - Bộ Tư pháp” do được đổi tên theo Quyết định số 117/QĐ-BTP ngày 15/01/2026 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp; kết thúc dòng “Lưu: VT” là dấu chấm.

b) Thủ tục soạn thảo nghị quyết

Quá trình xây dựng nghị quyết từ xin chủ trương đến giai đoạn gửi Sở Tư pháp thẩm định, cơ bản đảm bảo theo quy định pháp luật, cụ thể:

- Nghị quyết đã được Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh chấp thuận đăng ký xây dựng Nghị quyết theo Thông báo số 06/TB-TTHĐND ngày 20/01/2026 (thủ tục thông thường).

- Hồ sơ dự thảo Nghị quyết được đề nghị đăng tải trên Cổng thông tin điện tử tỉnh ít nhất 10 ngày từ ngày 30/01/2026 (Công văn số 411/SCT-QLCN ngày 30/01/2026 của Sở Công Thương); lấy ý kiến các cơ quan: Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Sở Tư pháp, sở, ban, ngành tỉnh, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp xã, Hiệp hội Doanh nghiệp tỉnh (trong đó đảm bảo có ý kiến của cơ quan theo quy định gồm: Sở Nội vụ, Sở Tài chính, Sở Tư pháp, Sở Khoa học và Công nghệ).

- Trên cơ sở tổng hợp ý kiến góp ý đến ngày 26/02/2026 (theo nội dung Sở Công Thương cung cấp tại Bản tổng hợp tiếp thu, giải trình ý kiến góp ý), Sở Công Thương có hồ sơ gửi Sở Tư pháp đề nghị thẩm định.

4. Ý kiến khác

a) Dự thảo Tờ trình

Hồ sơ dự thảo Nghị quyết trình Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua, không phải trình “Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh”, đề nghị rà soát và điều chỉnh. Điều chỉnh căn cứ “điểm b khoản 2 Điều 54 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15” thành “điểm b khoản 2 Điều 54 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi khoản 20 Điều 1 Luật số 87/2025/QH15”. Mục V, đối với nội dung tại Mục này phát sinh sau thẩm định (nếu có), trường hợp không có thì đề nghị bỏ. Tại nơi nhận, rà lại tên đơn vị nhận là “Ban Pháp chế HĐND tỉnh” hay “Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh”. Ngoài ra, về thể thức và kỹ thuật trình bày: Điều chỉnh từ lỗi bỏ dấu của từ “ỦY”, “HOÀ” trong tại Quốc hiệu và tên cơ quan ban hành; cụm từ “Quy định” thành “quy định” tại trích yếu tờ trình; “Sở, ban ngành” thành “sở, ban, ngành” tại trang 4; “Chính sách này” thành “Nghị quyết này” tại khoản 1 Mục IV; không bỏ cục tiểu mục 3,1, 3.2... mà điều chỉnh thành các điểm a, b, c...; bỏ từ “cấp” trong cụm từ “cấp tỉnh” tại khoản 1 Mục VI.

b) Báo cáo tổng kết thi hành Nghị quyết: Điều chỉnh chủ thể trình báo cáo của Sở Công Thương trình Ủy ban nhân dân tỉnh khi trình hồ sơ dự thảo Nghị quyết.

III. KẾT LUẬN

Hồ sơ dự thảo Nghị quyết đủ điều kiện tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh đề trình Hội đồng nhân dân tỉnh sau khi cơ quan chủ trì soạn thảo nghiên cứu, tiếp thu, giải trình đầy đủ ý kiến được nêu tại Báo cáo thẩm định này.

Trên đây là Báo cáo kết quả thẩm định của Sở Tư pháp kính gửi Quý cơ quan./.

Nơi nhận:

- Ủy ban nhân dân tỉnh;
- Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh;
- Sở Công Thương;
- Giám đốc, các Phó Giám đốc Sở;
- Cổng thông tin điện tử Sở Tư pháp;
- Lưu: VT, XDTHPL, dthang.

(kèm theo Biên bản cuộc họp ngày 09/3/2026 và Biên bản cuộc họp ngày 22/4/2026).

GIÁM ĐỐC

Trịnh Tuấn Ngọc